

PHẦN VĂN BẢN KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Quyết định số 7087/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 về việc công bố
thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi
trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 20+21)

**PHẦN B: NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ ỦY BAN NHÂN
DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

**II. Nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy
ban nhân dân cấp huyện**

Lĩnh vực đất đai

7. Thủ tục: Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2:

+ Trường hợp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, kiểm tra, lập Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện; thời gian giải quyết không quá 10 ngày (không kể thời gian trích lục bản đồ thửa đất và thời gian thông báo công khai);

+ Trường hợp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận (thời gian thực hiện: Không quá 01 ngày);

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hoặc cần bổ sung hồ sơ thì ra thông báo bằng văn bản (thời gian thực hiện không quá 03 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, lập tờ trình và dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện quyết định (thời gian giải quyết không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hoặc cần bổ sung hồ sơ thì ra thông báo bằng văn bản (thời gian thực hiện không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (thời hạn giải quyết không quá 05 ngày).

b. Trình tự thực hiện:

Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (theo mẫu);
- Trích sao Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm đã được cấp thẩm

quyền phê duyệt đối với hộ gia đình, cá nhân, trong đó vị trí, ranh giới, diện tích đất thể hiện tại Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 hoặc Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trích lục bản đồ địa chính khu đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề với đất ở (trong cùng một thửa đất);

- Giấy cam kết về việc lựa chọn thửa đất để xác định diện tích trong hạn mức đất ở (theo mẫu); và Giấy cam kết thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 38 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 (bản chính);

- Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 17 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 (bản chính);

- Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của người xin chuyển mục đích sử dụng đất (bản sao chứng thực);

- Văn bản ủy quyền nộp hồ sơ hoặc nhận kết quả (nếu có);

- Các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật (bản sao - nếu có);

- Tờ khai nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và nộp tiền sử dụng đất (theo mẫu);

- Đơn đề nghị được ghi nợ tiền sử dụng đất, ghi nợ lệ phí trước bạ (đối với trường hợp chưa có khả năng tài chính để nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ).

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 30 ngày (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

c) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã; Chi cục Thuế cấp huyện.

g. Kết quả của TTHC: Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

h. Lệ phí:

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (trong trường hợp không được miễn):

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 25.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 100.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 50.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 12/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

+ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;

+ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;

+ Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 12/ĐK

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:

..... giờ ... phút, ngày.../.../...

Quyển số, số thứ tự ...

Người nhận hồ sơ

(Ký, ghi rõ họ tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem hướng dẫn cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa trong tờ khai)

1. Người sử dụng đất:

1.1. Tên người sử dụng đất (viết chữ in hoa):

.....

1.2. Địa chỉ:

2. Thửa đất đăng ký chuyển mục đích sử dụng:

2.1. Thửa đất số:; **2.2. Tờ bản đồ số:**

2.3. Địa chỉ tại:

.....;

2.4. Diện tích thửa đất: m²; **2.5. Mục đích sử dụng đất:**

2.6. Thời hạn sử dụng đất:

2.7. Nguồn gốc sử dụng đất:

2.8. Tài sản gắn liền với đất:

.....

2.9. Nghĩa vụ tài chính về đất đai:

2.10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Số phát hành:(số in ở trang 1 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

- Số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất:, ngày cấp .../.../...

3. Mục đích sử dụng đất đăng ký chuyển sang:

.....

5- Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất nói trên;

-

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

II- KẾT QUẢ THẨM TRA CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

.....

Ngày ... tháng ... năm ... Người thẩm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Ký tên, đóng dấu)
--	--

Hướng dẫn

- Tờ khai này dùng trong các trường hợp đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải xin phép;

- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường; Tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: Đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông/bà” và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất hiện đang sử dụng như trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Điểm 3 ghi rõ mục đích sử dụng đất muốn xin được chuyển sang; trường hợp chuyển mục đích một phần diện tích thửa đất thì ghi thêm diện tích xin chuyển mục đích sử dụng;

- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối phần khai của người sử dụng đất; trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

8. Thủ tục: Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà đã được cấp Giấy chứng nhận.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận một cửa kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả, trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra hồ sơ, xác minh thực địa, gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận (thời gian thực hiện: Không quá 01 ngày). Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hoặc cần bổ sung hồ sơ thì ra thông báo bằng văn bản (thời gian thực hiện không quá 03 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, lập tờ trình và dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện quyết định (thời gian giải quyết không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hoặc cần bổ sung hồ sơ thì ra thông báo bằng văn bản (thời gian thực hiện không quá 03 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (thời hạn giải quyết không quá 05 ngày).

b. Trình tự thực hiện:

Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (theo mẫu);
- Trích sao Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm đã được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với hộ gia đình, cá nhân, trong đó vị trí, ranh giới, diện tích

đất thể hiện tại Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 hoặc Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trích lục bản đồ địa chính khu đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề với đất ở (trong cùng một thửa đất);

- Giấy cam kết về việc lựa chọn thửa đất để xác định diện tích trong hạn mức đất ở (theo mẫu); và Giấy cam kết thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 38 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 (bản chính);

- Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 17 Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 (bản chính);

- Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của người xin chuyển mục đích sử dụng đất (bản sao chứng thực);

- Văn bản ủy quyền nộp hồ sơ hoặc nhận kết quả (nếu có);

- Bản sao các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật (nếu có);

- Tờ khai nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và nộp tiền sử dụng đất (theo mẫu);

- Đơn đề nghị được ghi nợ tiền sử dụng đất, ghi nợ lệ phí trước bạ (đối với trường hợp chưa có khả năng tài chính để nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ).

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 15 ngày (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Thuế cấp huyện.

g. Kết quả của TTHC:

Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

h. Lệ phí:

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (trong trường hợp không được miễn).

- Trường hợp GCN chỉ có QSDĐ (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 25.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

- Trường hợp cấp GCN:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 100.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 50.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 12/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

i. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

+ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;

+ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;

+ Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 12/ĐK

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:

..... giờ ... phút, ngày.../.../...

Quyển số ..., số thứ tự ...

Người nhận hồ sơ

(Ký, ghi rõ họ tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem hướng dẫn cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa trong tờ khai)

1. Người sử dụng đất:

1.1. Tên người sử dụng đất (viết chữ in hoa):

.....

1.2. Địa chỉ:

2. Thửa đất đăng ký chuyển mục đích sử dụng:

2.1. Thửa đất số:; **2.2. Tờ bản đồ số:**

2.3. Địa chỉ tại:

.....;

2.4. Diện tích thửa đất: m²; **2.5. Mục đích sử dụng đất:**

2.6. Thời hạn sử dụng đất:

2.7. Nguồn gốc sử dụng đất:

2.8. Tài sản gắn liền với đất:

.....

2.9. Nghĩa vụ tài chính về đất đai:

2.10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Số phát hành:(số in ở trang 1 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

- Số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất:, ngày cấp .../.../...

3. Mục đích sử dụng đất đăng ký chuyển sang:

.....

5- Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thửa đất nói trên;

-

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

II- KẾT QUẢ THẨM TRA CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

.....

Ngày ... tháng ... năm ...
Người thẩm tra
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn

- Tờ khai này dùng trong các trường hợp đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất mà không phải xin phép;

- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường; Tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: Đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông/bà” và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất hiện đang sử dụng như trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Điểm 3 ghi rõ mục đích sử dụng đất muốn xin được chuyển sang; trường hợp chuyển mục đích một phần diện tích thửa đất thì ghi thêm diện tích xin chuyển mục đích sử dụng;

- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối phần khai của người sử dụng đất; trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

9. Thủ tục: Hộ gia đình, cá nhân chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận một cửa kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả, trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu phù hợp quy định của pháp luật thì xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận, gửi thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật; thông báo cho người sử dụng đất ký lại hợp đồng thuê đất với cơ quan tài nguyên và môi trường đối với trường hợp thuê đất.

Bước 4: Bộ phận một cửa trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;
- Giấy chứng nhận đã cấp (bản gốc);
- Hợp đồng thuê đất đã lập;
- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính; giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có);
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 15 ngày (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Chi cục Thuế.

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận đã được xác nhận thay đổi.

h. Lệ phí:

* Cấp lại:

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (trong trường hợp không được miễn):

- Trường hợp GCN chỉ có QSDĐ (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 20.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

- Trường hợp cấp GCN:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 50.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 25.000 đồng/lần.

* Chứng nhận ĐKBĐ về đất đai (trong trường hợp không được miễn):

- Các phường thuộc quận, thị xã: 28.000 đồng/lần;

- Khu vực khác: 14.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

-
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
 - + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
 - + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
 - + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
 - + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên *(viết chữ in hoa)*:

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;

4. Lý do biến động

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....
.....
.....
.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

10. Thủ tục: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” đất nông nghiệp.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận một cửa kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả, trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra hồ sơ, xác nhận nội dung thay đổi vào đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận; lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất; lập hoặc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; tổ chức trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất tại xã, phường, thị trấn nơi có đất.

Bước 4: Bộ phận một cửa trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận (theo mẫu);
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp hoặc bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất đang thế chấp tại tổ chức tín dụng;
- Văn bản thỏa thuận về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;
- Phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã đã được Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt;
- Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án “dồn điền đổi thửa” (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 10 ngày (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức tín dụng.

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h. Lệ phí:

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận (trong trường hợp không được miễn):

- Trường hợp GCN chỉ có QSDĐ (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 20.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

- Trường hợp cấp GCN:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 50.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 25.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 10/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Trường hợp người sử dụng đất đang thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng thì việc trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới cấp đổi được thực hiện đồng thời giữa ba bên gồm Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, người sử dụng đất và tổ chức tín dụng.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

+ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;

- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số 10/ĐK

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ
số: Quyền

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Kính gửi:

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Dia chi⁽¹⁾:

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN: .../.../...

3. Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

[illegible]

4.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -	4.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -
5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)	
Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.1. Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -	5.2. Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -
6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo - Giấy chứng nhận đã cấp;	

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN*(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)*

Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân**Chủ tịch***(Ký tên, đóng dấu)***III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

.....

.....

.....

.....

.....

(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).

Ngày ... tháng ... năm ...

Người kiểm tra*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)*

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc*(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp. Trường hợp có thay đổi thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

11. Thủ tục: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa - Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Bộ phận một cửa kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả, trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định và thông báo thu nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; xác nhận nội dung biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp; Chinh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. Trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

Bước 4: Bộ phận một cửa trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Hợp đồng, văn bản về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng theo quy định.

Trường hợp người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là người duy nhất thì phải có đơn đề nghị được đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của người thừa kế.

- Giấy chứng nhận đã cấp (bản gốc);

- Văn bản của người sử dụng đất đồng ý cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất;

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

* Trường hợp chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng một phần thửa đất thì người sử dụng đất nộp (01) bộ hồ sơ, gồm: Đơn đề nghị tách thửa đất (theo mẫu) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính).

Trong thời hạn (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện có trách nhiệm trích đo địa chính thửa đất, kiểm tra điều kiện tách thửa theo quy định; trường hợp không đủ điều kiện tách thửa thì trả lại hồ sơ và có văn bản trả lời cho người sử dụng đất biết; trường hợp đủ điều kiện tách thửa thì có văn bản hướng dẫn người sử dụng đất liên hệ với cơ quan công chứng để làm thủ tục công chứng hoặc chứng thực Hợp đồng giao dịch về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định; sau khi người sử dụng đất nộp bổ sung Hợp đồng giao dịch về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được công chứng hoặc chứng thực, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký biến động cho người sử dụng đất theo quy định.

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 10 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có);

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Chi cục Thuế.

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận đã được xác nhận thay đổi

h. Lệ phí:

* Cấp lại:

- Trường hợp GCN chỉ có QSDĐ (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 20.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

- Trường hợp cấp GCN:

+ Các phường thuộc quận, thị xã: 50.000 đồng/lần;

+ Khu vực khác: 25.000 đồng/lần.

* Chứng nhận ĐKBĐ về đất đai:

- Các phường thuộc quận, thị xã: 28.000 đồng/lần;

- Khu vực khác: 14.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 11/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

+ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;

+ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;

+ Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 11/ĐK

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
 Đã kiểm tra nội dung
 đơn đầy đủ, rõ ràng,
 thống nhất với giấy tờ
 xuất trình.
 Vào sổ tiếp nhận hồ sơ
 số: Quyền
 Ngày ... / ... / ...
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem kỹ hướng dẫn ở cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã viết)

1. Người sử dụng đất:

1.1 Tên người sử dụng đất *(Viết chữ in hoa)*:

1.2 Địa chỉ

2. Đề nghị tách, hợp thửa đất như sau:

2.1. Đề nghị tách thành thửa đất đối với thửa đất dưới đây:

a) Thửa đất số:; b) Tờ bản đồ số:

c) Địa chỉ thửa đất:

d) Số phát hành Giấy chứng nhận:

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận:; ngày cấp .../.../...

đ) Diện tích sau khi tách thửa: Thửa thứ nhất: m²; Thửa thứ hai: m²;

2.2. Đề nghị hợp các thửa đất dưới đây thành một thửa đất:

Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Số phát hành Giấy chứng nhận	Số vào sổ cấp giấy chứng nhận

3. Lý do tách, hợp thửa đất: 4. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có: - Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của thửa đất trên; - Sơ đồ dự kiến phân chia các thửa đất trong trường hợp tách thửa (nếu có):
--

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Ngày ... tháng ... năm ...

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Hướng dẫn viết đơn:

- Đơn này dùng trong trường hợp người sử dụng đất đề nghị tách một thửa đất thành nhiều thửa đất mới hoặc đề nghị hợp nhiều thửa đất thành một thửa đất;

- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì đề gửi ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất;

- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: Đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông/bà” và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;

- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối “Phần khai của người sử dụng đất”; trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

12. Thủ tục: Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận một cửa kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả, trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra hồ sơ, nếu phù hợp quy định thì xác nhận việc xóa cho thuê, cho thuê lại, xóa góp vốn vào Giấy chứng nhận, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

- + Trường hợp cho thuê, cho thuê lại đất trong khu công nghiệp và trường hợp góp vốn quyền sử dụng đất mà đã cấp Giấy chứng nhận cho bên thuê, thuê lại đất, bên nhận góp vốn thì thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; bên nhận góp vốn được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- + Trường hợp thời hạn sử dụng đất kết thúc cùng với thời điểm xóa cho thuê, cho thuê lại đất, xóa góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn sử dụng đất thì thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp.

Bước 4: Bộ phận một cửa trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo mẫu);

- Văn bản thanh lý hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có xác nhận đã được thanh lý hợp đồng;

- Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công

nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (bản gốc).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 03 ngày (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận đã được xác nhận thay đổi.

h. Lệ phí:

* Chứng nhận ĐKBD về đất đai (trong trường hợp không được miễn).

- Các phường thuộc quận, thị xã: 28.000 đồng/lần;

- Khu vực khác: 14.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất chấm dứt theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP;

- Việc xử lý quyền sử dụng đất khi chấm dứt việc góp vốn được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

+ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;

+ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi:

**PHẦN GHI CỦA
NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ**Đã kiểm tra nội dung
đơn đầy đủ, rõ ràng,
thống nhất với giấy tờ
xuất trình.Vào sổ tiếp nhận hồ sơ
số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)**I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ***(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)***1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất**

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:**2. Giấy chứng nhận đã cấp**

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến
động:-.....;
.....;
.....;
.....;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
.....;
.....;
.....;**4. Lý do biến động**.....
.....**5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng
ký biến động**.....
.....**6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:**

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....
.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi

hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....

.....

.....

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG <i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)</i>	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

13. Thủ tục : Cấp Giấy chứng nhận đối với cho hộ gia đình, cá nhân chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

Bước 2: Bộ phận một cửa kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thông báo bằng văn bản và lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp không nộp Giấy chứng nhận để làm thủ tục đồng thời cấp Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất mà có hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền theo quy định nhưng bên chuyển quyền không trao Giấy chứng nhận cho bên nhận chuyển quyền, hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo mẫu);
- Hợp đồng hoặc văn bản về chuyển quyền đã lập theo quy định.

b) Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất nhưng không lập hợp đồng, văn bản chuyển quyền theo quy định, hồ sơ gồm có:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo mẫu);
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có đủ chữ ký của bên chuyển quyền và bên nhận chuyển quyền.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

c. Thời hạn giải quyết:

Không quá 15 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; thời gian thông báo cho bên chuyển quyền và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền).

d. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có);

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có).

f. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

g. Lệ phí:

* Lệ phí địa chính:

Trường hợp cấp đổi, cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận):

+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất: Các phường thuộc quận, thị xã: 20.000 đồng/lần; khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Các phường thuộc quận, thị xã: 50.000 đồng/lần; khu vực khác: 25.000 đồng/lần.

Chứng nhận ĐKBĐ về đất đai: Các phường thuộc quận, thị xã: 28.000 đồng/lần; Khu vực khác: 14.000 đồng/lần.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;

4. Lý do biến động

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

14. Thủ tục: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

- + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;
- + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- + Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (theo mẫu);
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
- Một trong các loại giấy tờ gồm: Biên bản hòa giải thành (trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi ranh giới thửa đất thì có thêm quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền) hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai theo quy định của pháp luật; văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thế chấp, góp vốn có nội dung thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp, góp vốn và văn bản bàn giao tài sản thế chấp, góp vốn theo thỏa thuận; quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành có nội dung xác

định người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; văn bản kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản hoặc yêu cầu của Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án đã được thi hành; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất hoặc chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, chuyển đổi công ty; hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất;

- Trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tổ chức phải có văn bản chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức theo quy định của pháp luật; trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình phải có sổ hộ khẩu kèm theo; trường hợp phân chia hoặc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ và chồng phải có sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận kết hôn hoặc ly hôn kèm theo.

* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 15 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có);

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có).

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận đã được xác nhận thay đổi.

h. Lệ phí:

* Lệ phí địa chính:

- Trường hợp cấp đổi, cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận):

+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất: Các phường thuộc quận, thị xã: 20.000 đồng/lần; khu vực khác: 10.000 đồng/lần;

+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Các phường thuộc quận, thị xã: 50.000 đồng/lần; khu vực khác: 25.000 đồng/lần.

Chứng nhận ĐKBĐ về đất đai: Các phường thuộc quận, thị xã: 28.000 đồng/lần; Khu vực khác: 14.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

+ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;

+ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;

+ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;

4. Lý do biến động

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

15. Thủ tục: Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

- + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;
- + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- + Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
- Một trong các giấy tờ liên quan đến nội dung biến động:
 - + Văn bản công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình thay đổi họ, tên;
 - + Bản sao sổ hộ khẩu đối với trường hợp thay đổi người đại diện là chủ hộ gia đình; văn bản thỏa thuận của hộ gia đình được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối với trường hợp thay đổi người đại diện là thành viên khác trong hộ;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy chứng minh quân đội và sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác chứng minh thay đổi nhân thân đối với trường hợp thay đổi thông tin về nhân thân của người có tên trong Giấy chứng nhận;

+ Văn bản của Ủy ban nhân cấp xã về tình trạng sạt lở tự nhiên đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất, tài sản gắn liền với đất do sạt lở tự nhiên;

+ Chứng từ về việc nộp nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp có ghi nợ hoặc chậm nộp nghĩa vụ tài chính, trừ trường hợp người sử dụng đất được miễn giảm hoặc không phải nộp do thay đổi quy định của pháp luật;

+ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi hạn chế về quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất ghi trên Giấy chứng nhận đối với trường hợp có hạn chế theo quy định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; trường hợp có thay đổi hạn chế theo văn bản chuyển quyền sử dụng đất thì phải có văn bản chấp thuận thay đổi hạn chế của người có liên quan, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

+ Bản sao một trong các giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thể hiện nội dung thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên Giấy chứng nhận.

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 15 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có);

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có).

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận đã được xác nhận thay đổi.

h. Lệ phí:

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 50.000đ/lần;

- Chứng nhận Đăng ký biến động về đất đai: 28.000đ/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;

4. Lý do biến động

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sụt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

16. Thủ tục: Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề đối với hộ gia đình, cá nhân.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và thể hiện trên Giấy chứng nhận nếu có yêu cầu.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận.

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện

3. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu 09/ĐK;
- Giấy chứng nhận đã cấp của một bên hoặc các bên có liên quan (bản gốc);
- Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận hoặc quyết định của Tòa án nhân dân về việc xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề;
- Sơ đồ thể hiện vị trí, kích thước phần diện tích thửa đất mà người sử dụng đất liền kề được quyền sử dụng hạn chế.

4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 10 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

5. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

7. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận đã được xác nhận.

8. Lệ phí:

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000đ/lần;

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 50.000đ/lần;

- Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000đ/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:****11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên *(viết chữ in hoa)*:

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;

4. Lý do biến động

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....
.....
.....
.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sụt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

17. Thủ tục: Gia hạn sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

- + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;
- + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- + Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định gia hạn quyền sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất.

Trường hợp không đủ điều kiện hoặc cần bổ sung thì phải thông báo bằng văn bản.

Bước 4: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện xác nhận gia hạn sử dụng đất vào Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 5: Bộ phận một cửa trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Trực tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai quận, huyện, thị xã.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu 09/ĐK;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
- Bản sao Quyết định đầu tư bổ sung hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có thể hiện thời hạn hoặc điều chỉnh thời hạn thực hiện dự án phù hợp thời gian xin gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất của tổ chức, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư;
- Chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có).

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 15 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.**f. Cơ quan thực hiện TTHC:****g. Kết quả của TTHC:**

Giấy chứng nhận đã được xác nhận gia hạn sử dụng đất.

h. Lệ phí:

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000đ/lần;
- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 50.000đ/lần;
- Chứng nhận Đăng ký biến động về đất đai: 28.000đ/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:****l. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên *(viết chữ in hoa)*:

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;

4. Lý do biến động

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG <i>(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)</i>	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)</i>	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

18. Thủ tục: Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

- + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;
- + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;
- + Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện tiếp nhận, gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận (thời gian thực hiện: Không quá 01 ngày làm việc).

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chuyển hồ sơ lên Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 5: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra, xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 6: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu 09/ĐK;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 10 ngày làm việc.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:**g. Kết quả của TTHC:**

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

h. Lệ phí:

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000đ/lần;

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 50.000đ/lần;

- Chứng nhận Đăng ký biến động về đất đai: 28.000đ/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 09/ĐK.**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:****l. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 09/ĐK

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG
ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: Quyền

Ngày .../.../...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Địa chỉ⁽¹⁾:

2. Giấy chứng nhận đã cấp

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN .../.../...;

3. Nội dung biến động về:

3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động:

.....;
;
;

3.2. Nội dung sau khi biến động:

.....;
;
;

4. Lý do biến động

.....

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động

.....

6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận đã cấp;

.....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng)

.....
.....
.....
.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân

Chủ tịch

(Ký tên, đóng dấu)

III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)
IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)	
Ngày ... tháng ... năm ... Người kiểm tra (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)	Ngày ... tháng ... năm ... Thủ trưởng cơ quan (Ký tên, đóng dấu)

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

Chú ý: Mẫu đơn này sử dụng trong các trường hợp: Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; từ hình thức thuê đất trả tiền một lần sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thông tin về giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân; thay đổi địa chỉ; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính về đất đai; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp giấy chứng nhận, đính chính giấy chứng nhận.

19. Thủ tục: Tách thửa hoặc hợp thửa đất cho hộ gia đình, cá nhân.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện đo đạc địa chính để chia tách đất, lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận; đồng thời chỉnh lý nội dung sai sót vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận.

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị tách thửa hoặc hợp thửa đất theo Mẫu 11/ĐK;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 20 ngày làm việc (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

h. Lệ phí:

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000đ/lần;

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 50.000đ/lần;

- Chứng nhận Đăng ký biến động về đất đai: 28.000đ/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 11/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 11/ĐK

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
TÁCH THỬA ĐẤT, HỢP THỬA ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
 Đã kiểm tra nội dung
 đơn đầy đủ, rõ ràng,
 thống nhất với giấy tờ
 xuất trình.
 Vào sổ tiếp nhận hồ sơ
 số: Quyền
 Ngày ... /... /...
Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I- KÊ KHAI CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

(Xem kỹ hướng dẫn ở cuối đơn này trước khi viết đơn; không tẩy xóa, sửa chữa nội dung đã viết)

1. Người sử dụng đất:

1.1 Tên người sử dụng đất (viết chữ in hoa):.....

1.2 Địa chỉ

2. Đề nghị tách, hợp thửa đất như sau:

2.1. Đề nghị tách thành thửa đất đối với thửa đất dưới đây:

a) Thửa đất số:; b) Tờ bản đồ số:

c) Địa chỉ thửa đất:

d) Số phát hành Giấy chứng nhận:

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận:; ngày cấp .../.../...

đ) Diện tích sau khi tách thửa: Thửa thứ nhất: m²; Thửa thứ hai: m²;

2.2. Đề nghị hợp các thửa đất dưới đây thành một thửa đất:

Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Số phát hành Giấy chứng nhận	Số vào sổ cấp giấy chứng nhận

3. Lý do tách, hợp thửa đất:

4. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của thửa đất trên;
- Sơ đồ dự kiến phân chia các thửa đất trong trường hợp tách thửa (nếu có):

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

II- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Hướng dẫn viết đơn:

- Đơn này dùng trong trường hợp người sử dụng đất đề nghị tách một thửa đất thành nhiều thửa đất mới hoặc đề nghị hợp nhiều thửa đất thành một thửa đất;

- Đề gửi đơn: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thì đề gửi ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất; tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì đề gửi ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất;

- Điểm 1 ghi tên và địa chỉ của người sử dụng đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất gồm các thông tin như sau: Đối với cá nhân ghi rõ họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài và cá nhân nước ngoài ghi họ, tên, năm sinh, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp hộ chiếu, quốc tịch; đối với hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông/bà” và ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của cả vợ và chồng người đại diện cùng sử dụng đất; trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của cả vợ và chồng thì ghi họ, tên, năm sinh, số giấy CMND, ngày và nơi cấp giấy CMND của vợ và của chồng; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, ngày tháng năm thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc số giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Điểm 2 ghi các thông tin về thửa đất như trên giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;

- Người viết đơn ký và ghi rõ họ tên ở cuối “Phần khai của người sử dụng đất”; trường hợp ủy quyền viết đơn thì người được ủy quyền ký, ghi rõ họ tên và ghi (được ủy quyền); đối với tổ chức sử dụng đất phải ghi họ tên, chức vụ người viết đơn và đóng dấu của tổ chức.

20. Thủ tục: Thủ tục xác nhận thay đổi cho hộ gia đình, cá nhân đăng ký thế chấp, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả, trình Lãnh đạo Văn phòng giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, trình hồ sơ tới lãnh đạo Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện theo quy định.

Bước 4: Cán bộ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp Huyện thẩm định hồ sơ, báo cáo lãnh đạo Văn phòng Đăng ký.

Bước 5: Bộ phận một cửa trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

c. Thành phần hồ sơ:

*** Hồ sơ đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai:**

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (01 bản chính);

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai có công chứng, chứng thực hoặc có xác nhận theo quy định của pháp luật (01 bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (01 bản chính);

- Giấy phép xây dựng đối với các tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc dự án đầu tư đã được phê duyệt trong trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực hoặc có xác nhận hoặc tài sản đó không thuộc diện phải xin cấp phép xây dựng, không phải lập dự án đầu tư (01 bản sao có chứng thực);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

*** Hồ sơ đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất:**

+ Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó đã được chứng nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thế chấp gồm:

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (01 bản chính theo Mẫu số 01/ĐKTC);

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật (01 bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (01 bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

+ Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó đã hình thành, nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thế chấp gồm:

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (01 bản chính theo Mẫu số 01/ĐKTC);

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật (01 bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (01 bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu;

- Hồ sơ đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

*** Hồ sơ đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất**

+ Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất được tạo lập trên đất thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất không hình thành pháp nhân mới mà chủ sở hữu tài sản đó đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thế chấp gồm:

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (01 bản chính theo Mẫu số 01/ĐKTC);

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật (01 bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuê (01 bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

+ Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất được tạo lập trên đất thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất không hình thành pháp nhân mới mà tài sản đó đã hình thành, nhưng chủ sở hữu tài sản chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thế chấp gồm:

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (*01 bản chính theo mẫu số 01/DKTC*);
- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật (*01 bản chính*);
- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền (*01 bản sao có chứng thực*), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu;
- Hồ sơ đề nghị chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

*** Hồ sơ đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai**

+ Trường hợp đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở của tổ chức, cá nhân mua của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở (sau đây gọi là Nghị định số 71/2010/NĐ-CP), mà người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (*01 bản chính*);
- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai hoặc hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật (*01 bản chính*);
- Giấy phép xây dựng đối với các tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc dự án đầu tư đã được phê duyệt, trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực hoặc có xác nhận hoặc tài sản đó không thuộc diện phải xin cấp phép xây dựng, không phải lập dự án đầu tư (*01 bản sao có chứng thực*);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (*01 bản chính*);
- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền (*01 bản sao có chứng thực*), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

+ Trường hợp đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở của tổ chức, cá nhân mua của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP, mà người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (*01 bản chính*);
- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai hoặc hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật (*01 bản chính*);
- Văn bản chứng minh sự thỏa thuận giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản về việc đất được dùng để tạo lập tài sản gắn liền với đất có công chứng, chứng thực hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật (*01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực*);
- Giấy phép xây dựng đối với các tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật phải xin phép xây dựng hoặc dự án đầu tư đã được phê duyệt, trừ trường hợp hợp đồng thế chấp tài sản đó có công chứng, chứng thực hoặc có xác nhận hoặc tài sản đó không thuộc diện phải xin cấp phép xây dựng, không phải lập dự án đầu tư (*01 bản sao có chứng thực*);
- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền (*01 bản sao có chứng thực*), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

*** Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký**

- Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký (*Mẫu số 02/DKTD*);
- Hợp đồng về việc thay đổi trong trường hợp các bên thỏa thuận bổ sung, rút bớt tài sản thế chấp, thỏa thuận rút bớt, bổ sung, thay thế một trong các bên ký kết hợp đồng thế chấp (*01 bản chính*) hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp thay đổi tên, thay đổi loại hình doanh nghiệp, thay đổi một trong các bên ký kết hợp đồng thế chấp theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*01 bản sao có chứng thực*), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (01 bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

*** Hồ sơ xoá đăng ký thế chấp**

Hồ sơ xoá đăng ký gồm:

- Đơn yêu cầu xoá đăng ký thế chấp (Mẫu số 03/XĐK);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (01 bản chính);

- Văn bản đồng ý xoá đăng ký thế chấp của bên nhận thế chấp trong trường hợp người yêu cầu xoá đăng ký là bên thế chấp (01 bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

*** Hồ sơ yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký**

- Đơn yêu cầu sửa chữa sai sót (Mẫu số 05/SCSS);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nếu nội dung đăng ký thế chấp đã ghi trên Giấy chứng nhận đó có sai sót (01 bản chính);

- Đơn yêu cầu đăng ký có chứng nhận của cơ quan đăng ký nếu phần chứng nhận nội dung đăng ký có sai sót (01 bản chính);

- Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu sửa chữa sai sót là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực), trừ trường hợp người yêu cầu đăng ký xuất trình bản chính Văn bản ủy quyền thì chỉ cần nộp 01 bản sao để đối chiếu.

d. Thời hạn giải quyết:

Tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được đăng ký thế chấp.

h. Lệ phí:

- Lệ phí địa chính:

+ Đối với các phường thuộc quận, thị xã: 28.000đ;

+ Đối với các địa phương khác: 14.000đ.

- Lệ phí đăng ký thế chấp, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01/ĐKTC - 02/ĐKTD - 03/XĐK - 04/ĐKVB Mẫu số -05/SCSS.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Thông tư số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp;

+ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ;

+ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

+ Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01/ĐKTC

....., ngày ... tháng năm ...

ĐƠN YÊU CẦU
ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm
 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
CÁN BỘ ĐĂNG KÝ

Thời điểm nhận hồ sơ:

.....giờ phút,
 ngày ... /.../...

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:

Quyển số: ... Số thứ tự ...

Cán bộ đăng ký
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THẺ CHẤP

1. Bên thế chấp

1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(Viết chữ IN HOA)*

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

1.3. Số điện thoại *(nếu có)*: Fax *(nếu có)*:

Địa chỉ email *(nếu có)*:

1.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu

Số:

Cơ quan cấp cấp ngày ... tháng ... năm ...

☐ GCN đăng ký kinh doanh ☐ QĐ thành lập ☐ GP đầu tư

Số:

Cơ quan cấp..... cấp ngày ... tháng ... năm ..

2. Bên nhận thế chấp

2.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

.....

2.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

2.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Địa chỉ email (nếu có):

2.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu

Số:

Cơ quan cấp cấp ngày ... tháng ... năm ..

☐ GCN đăng ký kinh doanh ☐ QĐ thành lập ☐ GP đầu tư

Số:

Cơ quan cấp cấp ngày ... tháng ... năm ..

3. Mô tả tài sản thế chấp**3.1. Quyền sử dụng đất**

3.1.1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):

Loại đất

3.1.2. Địa chỉ thửa đất:

.....

3.1.3. Diện tích đất thế chấp: m²

(Ghi bằng chữ:)

3.1.4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp cấp ngày ... tháng ... năm ..

b) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất:

.....

.....

3.2. Tài sản gắn liền với đất:

3.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp cấp ngày ... tháng ... năm ..

3.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản: ; Tờ bản đồ số (nếu có):	
3.2.3. Mô tả tài sản thế chấp:	
4. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký kết ngày ... tháng ... năm ...	
5. Tài liệu kèm theo:	
6. Phương thức nhận kết quả đăng ký:	☐ Nhận trực tiếp; ☐ Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ);
<i>Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.</i>	

BÊN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN
THẾ CHẤP ỦY QUYỀN)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN NHẬN
THẾ CHẤP ỦY QUYỀN)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):
 Chứng nhận việc thế chấp đã được đăng ký
 theo những nội dung kê khai tại đơn này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm ...

ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI
NỘI DUNG THẺ CHẤP ĐÃ ĐĂNG KÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:

Mẫu số 02/ĐKTD

PHẦN GHI CỦA
CÁN BỘ ĐĂNG KÝ

Thời điểm nhận hồ sơ:

.....giờ phút,
ngày ... /.../...

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:

Quyển số: Số thứ tự

Cán bộ đăng ký
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI

1. Người yêu cầu đăng ký ☐ Bên thế chấp ☐ Bên nhận thế chấp
thay đổi: ☐ Người được ủy quyền

1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:

1.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Địa chỉ email (nếu có):

1.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu

Số:

Cơ quan cấp cấp ngày ... tháng ... năm ...

☐ GCN đăng ký kinh doanh ☐ QĐ thành lập ☐ GP đầu tư

Số:

Cơ quan cấp cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Tài sản đã đăng ký thế chấp:

2.1. Quyền sử dụng đất

2.1.1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):

Loại đất:

2.1.2. Địa chỉ thửa đất:

2.1.3. Diện tích đất thế chấp: m²

(Ghi bằng chữ:)

2.1.4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành: , *số vào sổ cấp giấy:*

Cơ quan cấp: , *cấp ngày ... tháng ... năm ..*

b) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất:

.....

2.2. Tài sản gắn liền với đất:

2.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành: , *số vào sổ cấp giấy:*

Cơ quan cấp: , *cấp ngày ... tháng ... năm ..*

2.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản: ; Tờ bản đồ số (nếu có):

2.2.3. Mô tả tài sản thế chấp:

.....

3. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký ngày ... tháng ... năm ...

4. Nội dung yêu cầu thay đổi:.....

.....

5. Tài liệu kèm theo:

.....

6. Phương thức nhận kết quả đăng ký:☐ Nhận trực tiếp;☐ Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ);

.....

.....

.....

.....

Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thoả thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN THỂ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN THỂ
CHẤP ỦY QUYỀN)

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)*

BÊN NHẬN THỂ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN NHẬN
THỂ CHẤP ỦY QUYỀN)

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)*

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):

Chứng nhận đã đăng ký thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký theo những nội dung kê khai tại đơn này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03/XĐK

....., ngày ... tháng năm ...

ĐƠN YÊU CẦU
XOÁ ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm
 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
CÁN BỘ ĐĂNG KÝ

Thời điểm nhận hồ sơ:

.....giờ phút,
 ngày ... /.../...

Vào sổ tiếp nhận hồ
sơ:

Quyển số: ... Số thứ tự ...

Cán bộ đăng ký
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU XOÁ ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP

1. Người yêu cầu xóa đăng ký thể chấp: ☐ Bên thể chấp ☐ Bên nhận thể chấp
☐ Người được ủy quyền

1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(Viết chữ IN HOA)*

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

1.3. Số điện thoại *(nếu có)*: Fax *(nếu có)*:

Địa chỉ email *(nếu có)*:

.....

1.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu

Số: cấp ngày:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

☐ GCN đăng ký kinh doanh ☐ QĐ thành lập ☐ GP đầu tư

Số: cấp ngày:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Yêu cầu xóa đăng ký thế chấp đối với các tài sản sau đây:**2.1. Quyền sử dụng đất**

2.1.1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):

Loại đất

2.1.2. Địa chỉ thửa đất:

.....

.....

2.1.3. Diện tích đất thế chấp: m²

(Ghi bằng chữ:)

2.1.4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất:

.....

.....

.....

2.2. Tài sản gắn liền với đất:

2.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

2.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản:; Tờ bản đồ số (nếu có):

2.2.3. Mô tả tài sản thế chấp:

.....

.....

.....

.....

3. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký kết ngày ... tháng ... năm ...**4. Lý do xóa đăng ký:**

.....

.....

.....

.....

5. Tài liệu kèm theo:

.....

.....

.....

6. Phương thức nhận kết quả đăng ký:

☐ Nhận trực tiếp;

☐ Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ);

.....

.....

.....

Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thoả thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN THẾ
CHẤP ỦY QUYỀN)

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)*

BÊN NHẬN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN NHẬN
THẾ CHẤP ỦY QUYỀN)

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)*

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):

.....

Chứng nhận đã xoá đăng ký thế chấp theo những nội dung được kê khai tại đơn này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04/ĐKVB

....., ngày ... tháng năm ...

ĐƠN YÊU CẦU
ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO
VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN THỂ CHẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm
 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA
CÁN BỘ ĐĂNG KÝ

Thời điểm nhận hồ sơ:

.....giờ phút,
 ngày ... /.../...

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:

Quyển số: ... *Số thứ tự* ...

Cán bộ đăng ký
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO

1. Người yêu cầu đăng ký ☐ Bên thể chấp ☐ Bên nhận thể chấp
văn bản thông báo: ☐ Người được ủy quyền

1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

1.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Địa chỉ email (nếu có):

.....

1.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu

Số:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ..

☐ GCN đăng ký kinh doanh ☐ QĐ thành lập ☐ GP đầu tư

Số:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Mô tả tài sản đã đăng ký thể chấp được xử lý:

2.1. Quyền sử dụng đất

2.1.1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):; Loại đất 2.1.2. Địa chỉ thửa đất: 2.1.3. Diện tích đất thế chấp: m² (Ghi bằng chữ:) 2.1.4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy: Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ... b) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất:
2.2. Tài sản gắn liền với đất: 2.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy: Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ... 2.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản:; Tờ bản đồ số (nếu có): 2.2.3. Mô tả tài sản thế chấp:
3. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký kết ngày ... tháng ... năm ...
4. Thời gian và địa điểm xử lý tài sản:
5. Các bên cùng nhận thế chấp (nếu có): 5.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA) Địa chỉ liên hệ: 5.2. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA) Địa chỉ liên hệ:

6. Phương thức nhận kết quả đăng ký:	☐ Nhận trực tiếp;
	☐ Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ);
.....	
.....	
<i>Người yêu cầu đăng ký văn bản thông báo cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.</i>	

NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):
..... chứng nhận đã đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp theo những nội dung kê khai tại đơn này./.
Ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ (Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Tại Khoản 1: Người yêu cầu đăng ký văn bản thông báo:

1.1. Người yêu cầu đăng ký văn bản thông báo thuộc trường hợp nào trong số 03 trường hợp liệt kê tại khoản này thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng với trường hợp đó.

1.2. Tại Điểm 1.4: Nếu người yêu cầu đăng ký văn bản thông báo là cá nhân trong nước thì kê khai về chứng minh nhân dân; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì kê khai về hộ chiếu; nếu là tổ chức thì kê khai về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đầu tư.

2. Tại Khoản 2: Mô tả tài sản đã đăng ký thế chấp được xử lý:

2.1. Kê khai về tài sản đã đăng ký thế chấp đúng như nội dung trong đơn yêu cầu đăng ký thế chấp đã kê khai trước đó.

2.2. Trường hợp trong Mẫu số 04/ĐKVB không còn chỗ ghi nội dung kê khai về tài sản thế chấp bị xử lý thì sử dụng Mẫu số 06/BSTS.

3. Tại Khoản 4: Thời gian và địa điểm xử lý tài sản:

Ghi ngày, tháng, năm và địa điểm xử lý tài sản thế chấp theo nội dung của văn bản thông báo đã gửi cho bên thế chấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 05/SCSS

....., ngày ... tháng năm ...

ĐƠN YÊU CẦU SỬA CHỮA SAI SÓT
 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số
 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm
 2011 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:

**PHẦN GHI CỦA
CÁN BỘ ĐĂNG KÝ**

Thời điểm nhận hồ sơ:

.....giờ phút,
 ngày ... /.../...

**Vào sổ tiếp nhận hồ
sơ:**

Quyển số: ... Số thứ tự ...

Cán bộ đăng ký
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU SỬA CHỮA SAI SÓT

1. Người yêu cầu sửa chữa ☐ Bên thế chấp ☐ Bên nhận thế chấp
sai sót: ☐ Người được ủy quyền

1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

1.2. Địa chỉ liên hệ:

1.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Địa chỉ email (nếu có):

1.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu

Số:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

☐ GCN đăng ký kinh doanh ☐ QĐ thành lập ☐ GP đầu tư

Số:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Tài sản đã đăng ký thế chấp:**2.1. Quyền sử dụng đất**

2.1.1. Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):;

Loại đất

2.1.2. Địa chỉ thửa đất:

.....

.....

2.1.3. Diện tích đất thế chấp: m²

(Ghi bằng chữ:)

2.1.4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất:

.....

.....

.....

2.2. Tài sản gắn liền với đất:

2.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, cấp ngày ... tháng ... năm ...

2.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản:; Tờ bản đồ số (nếu có):

2.2.3. Mô tả tài sản thế chấp:

.....

.....

.....

.....

3. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký kết ngày ... tháng ... năm ...**4. Nội dung yêu cầu sửa chữa sai sót:**

4.1. Sai sót trong đơn yêu cầu đăng ký:

.....

4.2. Sai sót trong phần chứng nhận của cơ quan đăng ký:

.....

5. Tài liệu kèm theo:

6. Phương thức nhận kết quả đăng ký: ☐ Nhận trực tiếp;
☐ Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ);

Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN THẾ
CHẤP ỦY QUYỀN)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN THẾ CHẤP
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC BÊN NHẬN
THẾ CHẤP ỦY QUYỀN)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu,
nếu là tổ chức)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):

Chứng nhận về việc đã sửa chữa sai sót theo những nội dung được kê khai tại đơn này./.

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

21. Thủ tục: Thủ tục thực hiện xác nhận thay đổi cho trường hợp đăng ký thể chấp, đăng ký thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký, xóa đăng ký thể chấp, sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thể chấp bằng nhà ở hình thành trong tương lai.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả - Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả, trình Lãnh đạo Văn phòng giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra hồ sơ; xác nhận đơn đăng ký thể chấp, sao y bản gốc đơn đăng ký để lưu hồ sơ; ghi thông tin đăng ký thể chấp vào Sổ đăng ký thể chấp nhà ở hình thành trong tương lai theo Mẫu số 07/ĐKTC-NTL kèm theo Thông tư số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2014.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất từ chối đăng ký bằng văn bản và chuyển hồ sơ đăng ký.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trả kết quả theo phiếu hẹn:

+ Trường hợp đủ điều kiện xác nhận: trao bản gốc đơn đăng ký đã xác nhận cho người yêu cầu đăng ký;

+ Trường hợp có căn cứ từ chối: Trả hồ sơ đăng ký kèm theo văn bản từ chối và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện đúng quy định.

b. Cách thức thực hiện:

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

*** Hồ sơ đăng ký thể chấp nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu gồm:**

1. Đơn yêu cầu đăng ký thể chấp lập theo Mẫu số 01/ĐKTC-NTL (01 bản chính); trường hợp Mẫu số 01/ĐKTC-NTL không đủ để kê khai nội dung đăng ký thì kê khai bổ sung vào Mẫu số 04/ĐKTC-NTL;

2. Hợp đồng thế chấp có công chứng theo quy định (01 bản gốc);

3. Hợp đồng mua bán nhà ở của cá nhân mua nhà ở ký với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp bên thế chấp là bên nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thì phải có thêm bản sao văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở được lập theo quy định của pháp luật về nhà ở (01 bản sao);

4. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thế chấp là người được ủy quyền.

*** Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai:**

- Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp đối với các trường hợp: Rút bớt, bổ sung hoặc thay thế bên thế chấp, bên nhận thế chấp; thay đổi tên của bên thế chấp, bên nhận thế chấp; Rút bớt tài sản thế chấp; bổ sung tài sản thế chấp mà không ký kết hợp đồng thế chấp mới; Thay đổi nội dung khác đã đăng ký, gồm:

1. Đơn yêu cầu thay đổi nội dung đăng ký thế chấp lập theo Mẫu số 02/ĐKTC-NTL (01 bản chính); trường hợp Mẫu số 02/ĐKTC-NTL không đủ để kê khai nội dung đăng ký thì kê khai bổ sung vào Mẫu số 04/ĐKTC-NTL;

2. Hợp đồng về việc thay đổi trong trường hợp các bên thỏa thuận bổ sung, rút bớt tài sản thế chấp, thỏa thuận rút bớt, bổ sung, thay thế một trong các bên ký kết hợp đồng thế chấp (01 bản gốc);

3. Văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền về việc thay đổi một trong các thông tin đã đăng ký: Tên, loại hình doanh nghiệp của bên thế chấp, bên nhận thế chấp; một trong các bên ký kết hợp đồng thế chấp (01 bản sao có chứng thực);

4. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền.

- Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp đối với trường hợp sửa chữa sai sót nội dung kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký do lỗi của người yêu cầu đăng ký, gồm:

1. Đơn yêu cầu thay đổi nội dung đăng ký thế chấp lập theo Mẫu số 02/ĐKTC-NTL (01 bản chính);

2. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký thay đổi là người được ủy quyền.

*** Hồ sơ đăng ký xóa đăng ký thế chấp, gồm:**

1. Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai lập theo Mẫu số 05/ĐKTC-NTL (01 bản chính);
2. Văn bản đồng ý xóa thế chấp của bên nhận thế chấp trong trường hợp người yêu cầu đăng ký xóa thế chấp là bên thế chấp (01 bản chính);
3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký xóa thế chấp là người được ủy quyền.

*** Hồ sơ yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của cơ quan đăng ký, gồm:**

1. Đơn yêu cầu sửa chữa sai sót theo Mẫu số 02/ĐKTC-NTL (01 bản chính);
2. Đơn yêu cầu đăng ký đã được cơ quan đăng ký chứng nhận, trong đó nội dung chứng nhận có sai sót (01 bản chính);
3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu sửa chữa sai sót là người được ủy quyền (01 bản sao có chứng thực).

d. Thời hạn giải quyết:

Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.**f. Cơ quan thực hiện TTHC:**

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

g. Kết quả của TTHC:

Đơn đăng ký đã xác nhận đăng ký thế chấp, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp bằng nhà ở hình thành trong tương lai cho người yêu cầu đăng ký.

h. Lệ phí:

- Lệ phí địa chính:

+ Đối với các Phường thuộc quận, thị xã: 28.000đ;

+ Đối với các địa phương khác: 14.000đ.

- Lệ phí đăng ký thế chấp, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp bằng nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định tại Thông tư số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về hướng dẫn chế độ

thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01/ĐKTC-NTL; Mẫu số 02/ĐKTC-NTL; Mẫu số 04/ĐKTC-NTL; Mẫu số 05/ĐKTC-NTL.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Nhà ở hình thành trong tương lai được thế chấp tại tổ chức tín dụng phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã có thiết kế kỹ thuật nhà ở được phê duyệt, đã xây dựng xong phần móng nhà ở, đã hoàn thành thủ tục mua bán và có hợp đồng mua bán ký kết với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về nhà ở hoặc nhà ở đã được bàn giao cho người mua nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

2. Không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với nhà ở đã được bàn giao cho người mua nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

3. Thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở mà dự án này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc đã có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014;

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Thông tư số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp;

+ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ;

+ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

+ Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm ...

**ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP NHÀ Ở
HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-
NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Tư
pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:
.....

Mẫu số 01/ĐKTC-NTL

**PHẦN GHI CỦA
CÁN BỘ TIẾP NHẬN****Thời điểm nhận hồ sơ:**

.....giờ phút,

ngày ... /.../...

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ:

Quyển số: Số thứ tự

Cán bộ tiếp nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THẺ CHẤP**1. Bên thế chấp**

1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

1.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Địa chỉ email (nếu có):

.....

1.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu
☐ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; ☐ Quyết định thành lập; ☐ Giấy
phép đầu tư.

Số: cấp ngày ... tháng ... năm ..

Cơ quan cấp:

2. Bên nhận thế chấp:

2.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

.....

2.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

2.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Địa chỉ email (nếu có):

.....

2.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu
☐ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; ☐ Quyết định thành lập; ☐ Giấy phép đầu tư.
 Số: cấp ngày ... tháng ... năm ...
 Cơ quan cấp:

3. Nhà hình thành trong tương lai thế chấp

3.1. Tên dự án có nhà ở hình thành trong tương lai:

.....

3.2. Địa chỉ dự án có nhà ở hình thành trong tương lai:

.....

3.3. Loại nhà ở: ☐ Căn hộ chung cư ☐ Nhà biệt thự, nhà liền kề

3.4. Vị trí căn hộ (biệt thự, liền kề);; vị trí tầng (số tầng):

3.5. Diện tích sử dụng: m²

(Ghi bằng chữ:)

3.6. Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai:

Số hợp đồng (nếu có) ký kết ngày ... tháng ... năm ...

.....

4. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký kết ngày ... tháng ... năm ...

5. Tài liệu bổ sung và tài liệu kèm theo:

.....

.....

.....

6. Phương thức nhận kết quả đăng ký: ☐ Nhận trực tiếp; ☐ Nhận qua bưu điện.

Địa chỉ nhận qua bưu điện:

.....

7. Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN THẾ CHẤP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN THẾ CHẤP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ**Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):**

.....

Chúng nhận giao dịch bảo đảm đã được đăng ký theo nội dung được kê khai tại đơn này và có hiệu lực đăng ký kể từ thời điểm đăng ký: giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm/.

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02/ĐKTC-NTL

....., ngày ... tháng năm ...

ĐƠN YÊU CẦU
THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP
NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI
 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-
 NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2014
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Tư
 pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN Thời điểm nhận hồ sơ: giờ phút, ngày ... /.../... Vào sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyển số: ... Số thứ tự Cán bộ tiếp nhận (Ký và ghi rõ họ, tên)

PHẦN KÊ KHAI CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THẺ CHẤP

1. Bên thế chấp

1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

1.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Địa chỉ email (nếu có):

.....

1.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu
☐ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; ☐ Quyết định thành lập; ☐ Giấy
 phép đầu tư.

Số: cấp ngày ... tháng ... năm ..

Cơ quan cấp:

2. Bên nhận thế chấp:

2.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: (Viết chữ IN HOA)

.....

2.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

2.3. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Địa chỉ email (nếu có):

2.4. ☐ Chứng minh nhân dân ☐ Hộ chiếu
☐ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; ☐ Quyết định thành lập; ☐ Giấy
 phép đầu tư.

Số: cấp ngày ... tháng ... năm ..

Cơ quan cấp:

3. Nhà hình thành trong tương lai thế chấp:

3.1. Tên dự án có nhà ở hình thành trong tương lai:

3.2. Địa chỉ dự án có nhà ở hình thành trong tương lai:

3.3. Loại nhà ở: ☐ Căn hộ chung cư ☐ Nhà biệt thự, nhà liền kề

3.4. Vị trí căn hộ (biệt thự, liền kề);; vị trí tầng (số tầng):

4. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký kết ngày ... tháng ... năm ...

5. Yêu cầu thay đổi nội dung đăng ký thế chấp

☐ Thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký; ☐ Sửa chữa sai sót

6. Trang bổ sung và tài liệu kèm theo:

7. Phương thức nhận kết quả đăng ký: ☐ Nhận trực tiếp; ☐ Nhận qua bưu điện.

Địa chỉ nhận qua bưu điện:

8. Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN THẾ CHẤP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN THẾ CHẤP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ**Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):**

Chứng nhận đăng ký: ☐ Thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký;
 ☐ Sửa chữa sai sót.

Theo những nội dung được kê khai tại đơn này kể từ thời điểm đăng ký: ... giờ
... phút, ngày ... tháng ... năm

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-NHNN-BXD-BTP-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Cán bộ tiếp nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

2. Yêu cầu xóa đăng ký thể chấp đối với nhà ở hình thành trong tương lai sau đây:

2.3. Loại nhà ở:	☐ Căn hộ chung cư	☐ Nhà biệt thự, nhà liền kề
2.4. Vị trí căn hộ (biệt thự, liền kề);; vị trí tầng (số tầng):		
2.5. Diện tích sử dụng: m ² (Ghi bằng chữ:)		
2.6. Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai: Số hợp đồng (nếu có) ký kết ngày ... tháng ... năm ...		
3. Hợp đồng thế chấp: Số (nếu có), ký kết ngày ... tháng ... năm ...		
4. Lý do xóa đăng ký:		
5. Trang bổ sung và tài liệu kèm theo:		
<i>Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên đơn này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.</i>		

BÊN THẾ CHẤP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN THẾ CHẤP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường):

Chứng nhận đã xóa đăng ký thế chấp theo những nội dung được kê khai tại đơn này kể từ thời điểm đăng ký: giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm

Ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

22. Thủ tục: Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra hồ sơ, xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp đổi, lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận.

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

c) Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp đổi với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi dồn điền đổi thửa, đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

Không quá 10 ngày làm việc; trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có);
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có).

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp đổi.

h. Lệ phí:

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

- + Các phường thuộc quận, thị xã: 25.000 đồng/lần;
- + Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

- + Các phường thuộc quận, thị xã: 100.000 đồng/lần;
- + Khu vực khác: 50.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 10/ĐK.**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.**l. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014.

4.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -	4.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -
5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)	
Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.1. Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -	5.2. Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -
6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo - Giấy chứng nhận đã cấp;	

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN*(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)*

Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân**Chủ tịch***(Ký tên, đóng dấu)***III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).

Ngày ... tháng ... năm ...

Người kiểm tra*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)*

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc*(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp. Trường hợp có thay đổi thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

23. Thủ tục: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho hộ gia đình, cá nhân.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện kiểm tra hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất, lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận.

Bước 5: Bộ phận tiếp nhận trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK;

b) Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã niêm yết thông báo mất giấy trong thời gian 15 ngày đối với hộ gia đình và cá nhân; giấy tờ chứng minh đã đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương về việc mất Giấy chứng nhận đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, cá nhân nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; trường hợp mất Giấy chứng nhận do thiên tai, hỏa hoạn phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thiên tai, hỏa hoạn đó.

d. Thời hạn giải quyết:

Thời gian giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc (không kể thời gian 30

ngày ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và đăng tin lần đầu trên Báo Hà Nội mới).

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

f. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có);
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

g. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp lại

h. Lệ phí:

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

- + Các phường thuộc quận, thị xã: 25.000 đồng/lần;
- + Khu vực khác: 10.000 đồng/lần.

- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

- + Các phường thuộc quận, thị xã: 100.000 đồng/lần;
- + Khu vực khác: 50.000 đồng/lần.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 10/ĐK.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014.

Mẫu số 10/ĐK

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở
VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi:

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ
số: Quyền

Ngày ... /... /...

Người nhận hồ sơ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên (viết chữ in hoa):

1.2. Dia chi⁽¹⁾.

2. Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

2.1. Số vào sổ cấp GCN:; 2.2. Số phát hành GCN:;

2.3. Ngày cấp GCN: .../.../...

3. Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại (kê khai theo bản đồ địa chính mới)

[illegible]

4.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -	4.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -
5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)	
Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.1. Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -	5.2. Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -
6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo - Giấy chứng nhận đã cấp;	

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN*(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)*

Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân**Chủ tịch***(Ký tên, đóng dấu)***III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

.....

.....

.....

.....

.....

(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).

Ngày ... tháng ... năm ...

Người kiểm tra*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)*

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc*(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp. Trường hợp có thay đổi thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

24. Thủ tục: Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Bộ phận một cửa kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận, ghi phiếu hẹn trả kết quả và trình hồ sơ tới lãnh đạo giao việc theo quy định;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Bước 3: Phòng chuyên môn cấp huyện kiểm tra, lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót; lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đính chính vào Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp có sai sót; đồng thời chỉnh lý nội dung sai sót vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp huyện ký đính chính vào Giấy chứng nhận.

Bước 5: Bộ phận một cửa trả kết quả theo phiếu hẹn.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp tại bộ phận một cửa thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị đính chính đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản phát hiện sai sót trên Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp theo Mẫu số 09/ĐK;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp.

* Số hồ sơ: 01 bộ.

c. Thời hạn giải quyết:

Thời gian giải quyết: Không quá 15 ngày (không kể thời gian người sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật).

d. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

f. Kết quả của TTHC:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được đánh chính.

g. Lệ phí:

- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000đ/lần;
- Trường hợp cấp đổi cấp lại (kể cả cấp lại do hết chỗ xác nhận), xác nhận bổ sung vào GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: 50.000đ/lần;
- Chứng nhận Đăng ký biến động về đất đai: 28.000đ/lần.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 10/ĐK.**i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:****k. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- + Luật Đất đai năm 2013;
- + Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;
- + Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011, Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính;
- + Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014;
- + Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;
- + Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014.

4.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -	4.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi: - Thửa đất số:; - Tờ bản đồ số:; - Diện tích: m ² ; - -
5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi (kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)	
Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.1. Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -	5.2. Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản:; - Diện tích XD (chiếm đất): m ² ; -
6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo - Giấy chứng nhận đã cấp;	

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày ... tháng ... năm ...
Người viết đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN*(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)*

Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:

.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Công chức địa chính*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

Ngày ... tháng ... năm ...

TM. Ủy ban nhân dân**Chủ tịch***(Ký tên, đóng dấu)***III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**.....
.....
.....
.....
.....
.....*(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).*

Ngày ... tháng ... năm ...

Người kiểm tra*(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)*

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc*(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp. Trường hợp có thay đổi thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.